TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 05-01-2021
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản
(đòi tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Hồ Đức Châm

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:* Bà Mông Thị Mai Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLPT-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp kiện đòi tài sản (đòi tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2020/QĐ-PT, ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Vũ Hồng D (Vũ Hồng S), sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Hồng D: Bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu D, thị trấn Đ, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền đề ngày 23-12-2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị Kim D: Ông Nguyễn Huy X, Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phường D, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông La Vĩnh A, sinh năm 1962; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A: Bà Nguyễn Thị Trung V, Luật sư Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường L, khu đô thị P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Thị L, cư trú tại: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Phạm Đức H, cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A là bị đơn trong vụ án.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15-5-2020, bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D có đơn khởi kiện bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A; yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có trách nhiệm trả vợ chồng bà Vũ Thị Kim D 2.415.996.656 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

Theo nguyên đơn, do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D với vợ chồng bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có làm ăn buôn bán chung với nhau từ năm 2013. Vợ chồng bà Phạm Thị T có khách hàng mua và bán lươn trạch nhưng không có vốn nên hai bên thỏa thuận: Vợ chồng bà Vũ Thị Kim D có trách nhiệm đầu tư tiền vốn, vợ chồng bà Phạm Thị T chịu trách nhiệm thu mua hàng (lươn trạch) và bán hàng cho khách ở Trung Quốc; sau khi trừ đi các khoản chi phí trong đó có cả tiền lãi vay để kinh doanh, số tiền lãi thực tế được bao nhiêu sẽ chia đôi, nếu lỗ thì cả hai cùng chịu;

bà Phạm Thị T có trách nhiệm nhận hàng và giao hàng; bà Vũ Thị Kim D sẽ có trách nhiệm quản lý tiền. Trong quá trình làm ăn, bà Phạm Thị T không thực hiện đúng như thỏa thuận, cụ thể bà Phạm Thị T đã nhiều lần nhận tiền hàng từ phía Trung Quốc và lấy tiền mặt với bà Vũ Thị Kim D để sử dụng vào việc gia đình. Vì vậy, ngày 29-01-2015, hai bên đối chiếu sổ và lập "Biên nhận kiêm giấy vay tiền", theo đó vợ chồng bà Phạm Thị T nợ vợ chồng bà Vũ Thị Kim D 1.982.446.656 đồng.

Do bà Phạm Thị T đề nghị tiếp tục được buôn chung để bà Phạm Thị T có tiền trả nợ nên hai bên lập "Biên bản ký hợp đồng", nhưng từ ngày 18-8-2014 đến ngày 06-02-2015, bà Phạm Thị T lại tiếp tục nhiều lần lấy tiền trực tiếp với khách hàng Trung Quốc với tổng số tiền là 13 vạn nhân dân tệ, tương đương với số tiền 433.550.000 đồng.

Từ năm 2015, vợ chồng bà Vũ Thị Kim D đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị T trả nợ nhưng không có kết quả. Nay bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có trách nhiệm trả vợ chồng bà Vũ Thị Kim D tổng số tiền 2.415.996.656 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu trả lãi đối với khoản nợ gốc trên.

Bà Phạm Thị T trình bày: Có việc thỏa thuận buôn chung như bà Vũ Thị Kim D trình bày. Trong thời gian buôn chung từ năm 2015 đến 2017, tiền lãi đều do bà Vũ Thị Kim D giữ hết, mỗi tháng bà chỉ được trả 10.000.000 đồng; những lần bà lấy tiền mặt với bà Vũ Thị Kim D đều là để trả tiền mua hàng chứ không phải là vay nợ. "Biên bản ký hợp đồng" và "Biên nhận kiêm giấy vay tiền" cùng lập ngày 29-01-2015 là do bà Vũ Thị Kim D tự viết rồi gọi vợ chồng bà đến ký vào đêm khuya (23 giờ 10 phút), khi đó ông La Vĩnh A đang trong tình trạng say rượu và thực chất ông La Vĩnh A không biết về việc làm ăn giữa bà Phạm Thị T và bà Vũ Thị Kim D, vợ chồng bà ký nhưng không đọc nội dung. Đối với Giấy nhận nợ ngày 09-3-2015, bà được trực tiếp lấy 13 vạn nhân dân tệ với khách hàng Trung Quốc, nhưng sau đó bà đã trả lại cho bà Vũ Thị Kim D, dòng cuối cùng của văn bản có ghi "cô T nợ cô D tiền hàng lươn trạch 13 vạn tệ" là do bà Vũ Thị Kim D tự ý viết vào. Vì vậy, bà Phạm Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D.

Ông La Vĩnh A trình bày: Ông không biết gì về việc kinh doanh giữa vợ ông (bà Phạm Thị T) với bà Vũ Thị Kim D. Tối ngày 29-01-2015, ông vừa đi uống rượu về thì bà Vũ Thị Kim D gọi ông lên nhà để ký giấy tờ, ông nghĩ ký để vợ của ông được tiếp tục làm ăn cùng bà Vũ Thị Kim D nên không đọc nội dung biên bản. Nay ông nhất trí với ý kiến của bà Phạm Thị T, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Vũ Thị Kim D.

Người làm chứng ông Phạm Đức H trình bày: Ngày 29-01-2015, ông có mặt chứng kiến vợ chồng bà Vũ Thị Kim D và vợ chồng bà Phạm Thị T thỏa thuận, lập và ký "Biên nhận kiêm giấy vay tiền" và "Biên bản ký hợp đồng". Khi biên bản lập xong có đọc cho nhau nghe rồi mới ký, mỗi người giữ một bản. Tại

thời điểm ký, ông La Vĩnh A không say rượu, vợ chồng bà Phạm Thị T có được đọc rồi mới ký biên bản.

Chị Hoàng Thị L trình bày: Chị giúp bà Vũ Thị Kim D cập nhật ghi sổ tiền hàng từ năm 2010 đến 2019. Trong thời gian đó, chị có ghi sổ theo dõi việc buôn bán giữa bà Vũ Thị Kim D và bà Phạm Thị T. Khi hai bên không làm hàng chung nhau nữa, chốt sổ bà Phạm Thị T nợ bà Vũ Thị Kim D 1.982.446.656 đồng, ngoài ra bà Phạm Thị T còn lấy với khách hàng 13 vạn nhân dân tệ. Ngày 29-01-2015, chị là người lập "Biên nhận kiêm giấy vay tiền" và "Biên bản ký hợp đồng"; chị và ông Phạm Đức H đều chứng kiến các bên ký biên bản.

Với nội dung như trên, Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 03-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155, Điều 280; Điều 357; khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D. Buộc bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A phải trả cho bà Vũ Thị Kim D, ông Vũ Hồng D tổng số tiền 2.415.996.656 (hai tỷ bốn trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D đối với việc yêu cầu bà Phạm Thị T, ông La Vĩnh A phải trả lãi đối với số tiền nói trên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ; quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bà Phạm Thị T, ông La Vĩnh A kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân dân thành phố Lạng Sơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hết thời hiệu khởi kiện. Ngoài ra, ông La Vĩnh A có đơn kháng cáo bổ sung với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ vì ông không liên quan, không tham gia bất cứ giao dịch kinh doanh nào của bà Phạm Thị T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc ông có trách nhiệm thanh toán nợ.

Ngày 05-10-2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 49/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm khoản 2 Điều 97 và Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Không thu thập tài liệu làm rõ việc tính lãi suất của tiền vay có đúng quy định của pháp luật không; không thu thập tài liệu để xác định tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với số tiền 13 vạn nhân dân tệ sang tiền Việt Nam đồng mà buộc bị đơn phải trả số tiền 433.550.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp; một số mã tiền không có trong sổ ghi chép nhưng lại có trong biểu thống kê; giấy lập ngày 09-3-2015 liên quan đến khoản tiền 13 vạn nhân dân tệ, chỉ có

chữ ký của bà Phạm Thị T, không có chữ ký của ông La Vĩnh A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông La Vĩnh A cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Vũ Thị Kim D với bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A thống nhất thỏa thuận: Bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A liên đới chịu trách nhiệm trả bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D tổng số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Ngày 22-12-2020, Tòa án nhận được đơn xin xét xét vắng mặt của chị Hoàng Thị L; ngày 23-12-202, Tòa án nhận được văn bản ủy quyền của ông Vũ Hồng D, ủy quyền cho bà Vũ Thị Kim D tham gia tố tụng. Mặt khác, đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông Vũ Hồng D và chị Hoàng Thị L đều đã có lời khai tại cấp sơ thẩm; do đó sự vắng mặt của ông Vũ Hồng D và chị Hoàng Thị L không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Vũ Hồng D và chị Hoàng Thị L.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã có công văn gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh Lạng Sơn, đề nghị Ngân hàng cung cấp tỷ giá quy đổi tiền nhân dân tệ sang Đồng Việt Nam. Tại Công văn số 1435/LAS-TH,NS&KSND ngày 15-12-2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn cho biết, ngày 09-3-2015 (ngày các bên chốt nợ), tỷ giá quy đổi tiền nhân dân tệ (CNY) sang Đồng Việt Nam (VNĐ) là 3.422,93 (tức 1 CNY = 3.422,93 VNĐ), 13 vạn CNY = 130.000 CNY = 444.980.900 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện và xác định 13 vạn nhân dân tệ tương đương với 433.550.000 đồng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn cung cấp sổ nhật ký hàng ngày (BL 74 đến 125) và Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ (BL 27 đến 35). Xét thấy, thông tin trong Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ và tài liệu phô tô từ sổ nhật ký hàng ngày không khớp thông tin về số tiền của các ngày 18/7/2013, 01/8/2013, 02/8/2013, 11/8/2013, 13/8/2013, 15/8/2013, 19/8/2013, 26/8/2013, 01/9/2013, 03/9/2013, 09/9/2013, 26/9/2013, 30/9/2013, 07/10/2013, 08/10/2013, 31/10/2013, 02/11/2013, 04/11/2013, 15/11/2013, 23/11/2013, 24/11/2013, 28/11/2013, 29/11/2013, 19/12/2013, 22/3/2014, 26/3/2014, 30/3/2014, 06/4/2014, 08/4/2014. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp sổ nhật ký ghi chép hàng ngày (bản gốc) để kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ; kết quả: Các mã tiền trên đã được thể hiện đầy đủ trong sổ gốc nhật ký hàng ngày và được nguyên đơn nộp bổ sung (BL 288 đến 374). Sự thiếu sót trên là do việc giao nhận tài liệu giữa nguyên đơn và Tòa án cấp sơ thẩm không được kiểm tra, đối chiếu chi tiết và không được kiểm tra kỹ tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

[4] Do những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, có trong nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ "Biên nhận kiêm giấy vay tiền" lập ngày 29-01-2015 và văn bản lập ngày 09-3-3015 để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là kiện đòi tài sản (đòi tiền) và buộc bà Phạm Thị T, ông La Vĩnh A thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Vũ Thị Kim D, ông Vũ Hồng D là có căn cứ.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị Kim D với bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A thống nhất thỏa thuận: Bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có trách nhiệm trả bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D tổng số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

[6] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện Kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7[Về án phí: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, được Hội đồng xét xử xác định lại theo sự thỏa thuận của các bên tương ứng số tiền mà bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A phải thanh toán.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 300, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 155, 280, 288, 357, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 03-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận giữa bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D với bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A, cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có trách nhiệm liên đới trả bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D tổng số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị T và ông La Vĩnh A có nghĩa vụ liên đới chịu 57.000.000 (năm mươi bẩy triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Phạm Thị T, ông La Vĩnh A mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, sung Ngân sách Nhà nước; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Phạm Thị T, ông La Vĩnh A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002371 và AA/2015/0002372 cùng ngày 16-9-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả bà Vũ Thị Kim D và ông Vũ Hồng D 40.159.000 (bốn mươi triệu một trăm năm mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số AA/2015/0002249 ngày 20-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- TAND tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

Nguyễn Thị Minh Thùy